

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN HÀM THUẬN NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: 15/2022/HS-ST

Ngày: 21.01.2022.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA
ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng Hương. Các

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Chánh Ngôn.

2. Ông Thông Minh Tấn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Duy Khánh - Thư ký Toà án nhân dân Huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mỹ Lộc- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 103/2021/HSST ngày 25 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2021, Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 20/TB-TA ngày 08/12/2021, Thông báo về việc mở lại phiên tòa 110A/2022/TB-TA ngày 07/01/2022 đối với bị cáo:

LÊ VĂN A, tên gọi khác: B - Sinh năm: 1992 tại Bình Thuận.

Nơi cư trú: thôn C, xã D, Huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: nam.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: không biết chữ.

Con ông Lê Văn E – sinh năm 1962; Mẹ: Lâm Thị F - sinh năm 1954; Cùng trú: thôn C, xã D, Huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Anh chị em ruột: 10 người, bị cáo là con thứ 9 trong gia đình.

Vợ, con: chưa có.

Tiền án; Tiền sự: không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

- Bị hại:

1. Lưu Thanh G, sinh năm 1972; Địa chỉ: thôn C, xã D, Huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

2. Lê Ngọc H, sinh năm 1990; Địa chỉ: thôn thôn C, xã D, Huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Hoàng Thị I, sinh năm 1984; Địa chỉ: thôn Kê Gà, xã D, Huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

2. Tống Văn J, sinh năm 1976; Địa chỉ: thôn Hiệp Lễ, xã Tân Thuận, Huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

3. Lâm Thị F, sinh năm 1954. Địa chỉ: thôn C, xã D, Huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

Tại phiên tòa có mặt bị cáo, bà Lâm Thị F; những người còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 15/8/2021, Lê Văn A phát hiện tại nhà nghỉ Thảo Nguyên (thôn C, xã D, Huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận) có công trình đang xây dựng không có người trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt một số tài sản của công trình xây dựng tại nhà nghỉ này để kiếm tiền tiêu xài. Thực hiện ý định này, A đi bộ đến lấy 10 cây sắt vuông, bó thành 02 bó vác từng bó về nhà. Khoảng 18 giờ cùng ngày, A bán số cây sắt này cho bà Hoàng Thị I (sinh năm 1984, trú thôn Kê Gà, xã D, Huyện Hàm Thuận Nam) là người đi thu mua phế liệu với số tiền 308.000 đồng. Đến 22 giờ cùng ngày, A lấy một xe mô tô có kéo theo rơ móc tự chế quay lại công trình nhà nghỉ Thảo Nguyên với mục đích chiếm đoạt tiếp một số giàn giáo tại công trình. A để xe mô tô có kéo theo rơ móc ngoài đường Trung Sơn, một mình đi bộ vào công

trình tại nhà nghỉ Thảo Nguyên, quan sát không có ai, A đến tháo các thanh sắt chéo của các bộ giàn giáo (mục đích là để tiện cho việc di chuyển) và chiếm đoạt 06 bộ giàn giáo. A vận chuyển số giàn giáo này ra đường Trung Sơn và bỏ lên xe kéo rồi vận chuyển số giàn giáo trên đến nhà ông Tống Văn J (sinh năm 1976) thuộc thôn Hiệp Lễ, xã Tân Thuận, Huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận và nằm ngủ tại đó. Đến 10 giờ trưa ngày 16/8/2021, Tống Văn J thấy Lê Văn A đang nằm ngủ tại sân nhà của mình với số giàn giáo trên xe nên J hỏi A chở số giàn giáo này đi đâu thì A cho biết số giàn giáo này A gom ở D xuống đi bán. Do J làm xây dựng, có nhu cầu sử dụng các bộ giàn giáo này nên J đã mua lại của A với giá 900.000 đồng. Ngày 16/8/2021, các bị hại Lê Ngọc H và Lưu Thanh G phát hiện mất số tài sản như trên nên đã có đơn trình báo chính quyền địa phương.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 31/2021-HĐĐG ngày 17/9/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Huyện Hàm Thuận Nam kết luận: 06 bộ giàn giáo kim loại; 03 đoạn cây sắt 5 vuông, mỗi đoạn 2,4m; 02 cây sắt 2x5 vuông, mỗi đoạn 2,2m; 03 cây sắt 3x6 vuông, mỗi đoạn 2m; 01 cây sắt 4x8 vuông, đoạn cây dài 2,75m; 01 cây sắt 5x10 vuông, đoạn cây dài 3m có tổng giá trị 3.428.503 (ba triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn năm trăm lẻ ba) đồng.

Tang vật của vụ án gồm:

03 cây sắt loại 5 vuông, mỗi cây dài 2m40; 02 cây sắt loại 2-5 vuông, mỗi cây dài 2m20; 03 cây sắt loại 3-6 vuông, mỗi cây dài 2m; 01 cây sắt loại 4-8 vuông, dài 2m75; 01 cây sắt loại 5-10 vuông, dài 3m. Những vật chứng trên do bà Hoàng Thị I là người thu mua phê liệu giao nộp ngày 16/8/2021.

06 bộ giàn giáo bằng kim loại, mỗi bộ dàn giáo có kích thước 1m x 1m30, hiện thân có bám dính sơn màu trắng và hồ, tình trạng đã qua sử dụng do Tống Văn J giao nộp ngày 18/8/2021.

Đối với xe mô tô kéo rơ móc A dùng để vận chuyển, quá trình điều tra làm rõ, phương tiện này là của bà Lâm Thị F (mẹ ruột của A). Tối ngày 15/8/2021, thấy bà F ngủ, A đã tự ý lấy phương tiện này vận chuyển những tài sản đã chiếm đoạt như trên, bà F hoàn toàn không biết về việc này. Do đó, Cơ quan Điều tra không thu giữ xe mô tô kéo rơ móc của bà F.

Trách nhiệm dân sự:

Bị hại Lưu Thanh G và Lê Ngọc H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì. Bà Hoàng Thị I, ông Tống Văn J không có yêu cầu bồi thường gì.

Tại Cáo trạng số 106/CT-VKS ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Hàm Thuận Nam đã truy tố bị cáo Lê Văn A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Hàm Thuận Nam giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Văn A như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, Điểm i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Lê Văn A từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng đến 18 tháng.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.208.000 đồng (một triệu hai trăm lẻ tám ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003661 lập ngày 20/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Hàm Thuận Nam.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Văn A thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Lâm Thị F: không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Huyện Hàm Thuận Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện Hàm Thuận Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của

Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại Lê Ngọc H, Lưu Thanh G có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị I, Tống Văn J đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Với các tài liệu, chứng cứ đã được xác minh thu thập có tại hồ sơ vụ án, đối chiếu với lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa là phù hợp, có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 15/8/2021, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, bị cáo Lê Văn A đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 09 thanh sắt (03 cây sắt loại 5 vuông, mỗi cây dài 2m40; 02 cây sắt loại 2-5 vuông, mỗi cây dài 2m20; 03 cây sắt loại 3-6 vuông, mỗi cây dài 2m; 01 cây sắt loại 4-8 vuông, dài 2m75) của bị hại Lưu Thanh G và 06 bộ giàn giáo; 01 cây sắt loại 5-10 vuông, dài 3m của bị hại Lê Ngọc H tại công trình xây dựng nhà nghỉ Thảo Nguyên (thôn C, xã D, Huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận). Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.428.503 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Văn A là cố ý, đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát Huyện Hàm Thuận Nam đối với bị cáo Lê Văn A là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn A là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý lo lắng cho quần chúng nhân dân. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt đủ nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm I trong xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình bị cáo có công với cách mạng (có ông ngoại Lâm Hòa Luân là Liệt sĩ), quá trình xét xử bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội. Đây là các tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Lê Văn A được quy định tại s, i khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Văn A không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Do bị cáo Lê Văn A có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nghề nghiệp ổn định và có khả năng tự cải tạo, do đó Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo Lê Văn A hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục là phù hợp.

[5] Các vấn đề khác:

Đối với Tổng Văn J là người mua lại 06 giàn giáo và Hoàng Thị I là người mua lại 10 thanh sắt của bị cáo Lê Văn A. Quá trình điều tra đến nay xác định Tổng Văn J và Hoàng Thị I không biết số tài sản mà bị cáo Lê Văn A bán là tài sản do trộm cắp mà có, do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Tổng Văn J và Hoàng Thị I là có căn cứ.

[6] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Hàm Thuận Nam đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 52 ngày 04/10/2021 trả lại cho chủ sở hữu ông Lưu Thanh G và ông Lê Ngọc H là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với xe mô tô kéo rơ móc bị cáo Lê Văn A dùng để vận chuyển tài sản trộm cắp, quá trình điều tra làm rõ phương tiện này là của bà Lâm Thị F (mẹ ruột của A), tối ngày 15/8/2021 thấy bà F ngủ, A đã tự ý lấy phương tiện này vận chuyển những tài sản đã trộm cắp được, bà F hoàn toàn không biết về việc này. Do đó, Cơ quan Điều tra không thu giữ xe mô tô kéo rơ móc của bà F là có căn cứ.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị hại Lưu Thanh G, Lê Ngọc H xác nhận đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Tổng Văn J, Hoàng Thị I là những người đã mua lại 06 bộ giàn giáo và 10 cây sắt với tổng số tiền 1.208.000 đồng nhưng cả hai đều không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có và không có yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này nên cần buộc bị cáo

Lê Văn A phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 1.208.000 đồng. Ngày 20/01/2022, bị cáo Lê Văn A đã tự nguyện nộp số tiền trên theo Biên lai thu tiền số 0003661 tại Chi cục thi hành án Huyện Hàm Thuận Nam. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.208.000 đồng.

[8] Về án phí: Bị cáo Lê Văn A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ Luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn A 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 21/01/2022).

Giao bị cáo Lê Văn A cho Ủy ban nhân dân xã D, Huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận nơi bị cáo Lê Văn A đang cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Lê Văn A.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.208.000 đồng (một triệu hai trăm lẻ tám ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003661 lập ngày 20/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Hàm Thuận Nam.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn A phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. 4. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/01/2022). Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án. 5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo).

Nơi nhận:

Như Điều 262 BLTTHS 2015.

- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM. -
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nàng Hương